TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 23-4-2019
Về việc "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thái Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Mai Quang H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

2. Ông Đặng Văn Ph, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Hồ Phương D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

2. Bà Võ Thị Tuyết Nh, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bà Tr, ông Ph, ông H có mặt; Bà Nh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà D vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Về yêu cầu và ý kiến của các đương sự:

- Nguyên đơn bà Tr: Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019 và biên bản hòa giải ngày 24/01/2019, bà yêu cầu buộc ông H và ông Ph trả số tiền đặt cọc 60.000.000 đồng và bồi thường 60.000.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng ngày 22/10/2018 (âm lịch); Biên bản ghi lời khai ngày 06/3/2019 và tại phiên tòa bà Tr thay đổi yêu cầu, bà không tranh chấp hợp đồng đã ký kết với bị đơn mà chỉ yêu cầu ông Ph, ông H và bà D, bà Nh cùng liên đới trả một lần số tiền 60.000.000 đồng đã nhận của bà cùng lãi suất phát sinh 1,6%/ tháng, tính từ ngày 22 tháng 11 năm 2018 âm lịch (sau đây viết tắt là AL), không yêu cầu bồi thường 60.000.000 đồng.

- Bị đơn ông H và ông Ph: Tại biên bản hòa giải ngày 24/01/2019, tại biên bản ghi lời khai ngày 03/4/2019 và tại phiên tòa thống nhất không tranh chấp hợp đồng đã ký kết giữa các bên, đồng ý trả 60.000.000 đồng cùng với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/11/2018 (AL) cho bà Tr nhưng xin trả dần.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nh: Có cùng ý kiến với ông H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D: Tòa án triệu tạp hợp lệ nhưng bà D đều vắng mặt.

Về các tình tiết của vụ án được các đương sự trình bày trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

- Bà Tr trình bày: Vào ngày 22/9/2018 (AL) bà và ông H, ông Ph có thỏa thuận về việc bà sẽ đầu tư số tiền 60.000.000 đồng để ông Ph và ông H trồng hecta dưa hấu và bán cho bà khi thu hoạch dưa theo các thỏa thuận mà hai bên đã thống nhất trong hợp đồng; Ngày 22/10/2018 (AL) bà đã đưa đủ số tiền 60.000.000 đồng cho ông Ph và ông H như thỏa thuận nhưng sau đó ông Ph và ông H thông báo về việc sẽ không giao dưa đúng như thỏa thuận trong hợp đồng vì hạt dưa không nảy mầm, yêu cầu bà gia hạn thời gian giao dưa nhưng bà không đồng ý; Ngày 29/11/2018 (AL) bà và ông Ph, ông H thống nhất về việc hủy hợp đồng, bà yêu cầu hai ông trả ngay số tiền 60.000.000 đồng đã nhận của bà nhưng hai ông hứa trả mà không thực hiện, sự việc đã được giải quyết tại UBND xã T, hai ông cũng không thực hiện việc trả tiền nên bà khởi kiện.

- Ông Ph và ông H cùng trình bày: Hai ông có nhận của bà Tr số tiền 60.000.000 đồng là tiền bà Tr đưa để làm vốn trồng dưa với thỏa thuận khi thu hoạch dưa sẽ bán cho bà Tr theo giá cả, quy cách dưa và thời hạn giao dưa như trong hợp đồng lập ngày 22/10/2018 (AL); Sau khi nhận tiền của bà Tr, ông Ph và ông H bắt đầu thuê đất, lên liếp dưa, mua vật tư và gieo hạt dưa nhưng sau đó hạt dưa không nảy mầm nên ông Ph và ông H có thông báo với bà Tr sự việc trên và xin giao hàng chậm hơn so với thời gian ghi trong hợp đồng, bà Tr không đồng ý

nên ngày 29/11/2018 (AL) hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng, việc trồng dưa là để tạo thu nhập chăm lo gia đình nên ông Ph và ông H thống nhất sẽ liên đới cùng bà Nh, bà D sẽ trả lại tiền cho bà Tr nhưng xin trả dần vì tiền đã đầu tư vào việc trồng dưa chưa có để trả ngay cho bà Tr, bà Tr không đồng ý nên khởi kiện.

Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án 01 giấy hợp đồng có nội D ghi bao tiêu dưa ký ngày 22/10/2018; Chứng minh nhân dân, biên bản hòa giải ở UBND xã T; Bị đơn giao nộp bản tự khai và 01 giấy hợp đồng có nội D ghi bao tiêu dưa ký ngày 22/9/2018; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như: Lấy lời khai đương sự.

Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bà Tr, ông H và bà Nh chấp hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Ông Ph, bà D chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội D vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc đặt cọc mua dưa số tiền là 60.000.000 đồng nhưng sau đó bị đơn thông báo sẽ không giao dưa đúng hạn như thỏa thuận trong hợp đồng vì gieo hạt dưa không nảy mầm và phải gieo hạt lại; nguyên đơn không đồng ý việc gieo hạt dưa lại nên hai bên thống nhất hủy hợp đồng, bị đơn trả lại số tiền 60.000.000 đồng đã nhận cho nguyên đơn nhưng không thực hiện. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu trả lại 60.000.000 đồng, và lãi suất 1,6%/tháng, không tranh chấp hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Xét thấy, bị đơn thống nhất có nhận của nguyên đơn 60.000.000 đồng và đồng ý trả nên yêu cầu đòi tài sản của bà Tr là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính lãi của bà Tr là không phù hợp nhưng ông Ph và ông H đều thống nhất trả lãi cho bà Tr với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 22/11/2018 (AL) đến ngày xét xử nên ghi nhận mức lãi suất trên cho bà Tr. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 45 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr, buộc ông Ph, ông H, bà D và bà Nh phải liên đới trả cho bà Tr 60.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 22/11/2018 (AL); Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định, hai bên có giao kết hợp đồng với nội D bao tiêu hai mẫu dưa không hạt, theo thỏa thuận, nguyên đơn sẽ đưa trước bị đơn 60.000.000 đồng để bị làm vốn trồng dưa, đồng thời nguyên đơn có nghĩa vụ thu mua số dưa do bị đơn trồng theo thỏa thuận nhưng do trở ngại khách quan nên hợp đồng không được thực hiện, hai bên thống nhất hủy hợp đồng trả lại số tiền đã nhận, hiện tại các bên không tranh chấp

hợp đồng mua bán cũng như số tiền phải trả mà chỉ tranh chấp về phương thức thanh toán và mức lãi suất áp dụng. Vì vậy, Tòa án xác định đây là trường hợp tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông H, ông Ph có nơi cư trú tại xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do; Bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] Về nội D vụ án:

- Giữa nguyên đơn và các bị đơn thống nhất: Hai bên có hợp đồng bao tiêu sản phẩm, đối tượng của hợp đồng là giống dưa hấu không hạt nhưng ngày 29/11/2018 (AL) hai bên đã thống nhất hủy hợp đồng, ông Ph và ông H có nghĩa vụ trả lại số tiền 60.000.000 đồng, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Điều 427 Bộ luật dân sự, hai bên cũng không tranh chấp về hợp đồng đã hủy nên hội đồng xét xử không xem xét về hợp đồng giữa các bên.

- Ngày 29/11/2018 (AL), hai bên thống nhất hủy hợp đồng thì ông Ph và ông H phải có nghĩa vụ trả ngay số tiền 60.000.000 đồng nhưng không thực hiện, việc ông Ph và ông H xin trả dần số tiền trên không được bà Tr đồng ý nên theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của bà Tr về việc buộc ông Ph và ông H phải trả lại số tiền đã nhận là có căn cứ.

- Đối với việc bà Tr yêu cầu tính lãi 1,6%/tháng từ ngày 22/11/2018 (AL), tức là ngày 28/12/2018 dương lịch đến ngày xét xử (3 tháng 26 ngày x 1.6% x 60.000.000 đồng = 3.712.000 đồng) là không phù hợp với quy định của pháp luật; Tuy nhiên, ông Ph và ông H đều thống nhất trả lãi cho bà Tr với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 22/11/2018 (AL) nên đây là sự tự nguyện của các ông và phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận; Vì vậy, lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 28/12/2018 đến ngày 23/4/2019 là 03 tháng 26 ngày x 1%/tháng x 60.000.000 đồng = 2.320.000 đồng

- Đối với yêu cầu buộc bà D và bà Nh cùng liên đới trả số tiền nêu trên: Xét thấy ông Ph và ông H đều xác định nghề nghiệp chính của các ông để tạo thu nhập cho gia đình là việc làm ruộng (trồng lúa, trồng dưa …), công việc này các ông đã làm nhiều năm qua, đồng thời bà D và bà Nh đều biết, hiện tại bà Nh cũng thống nhất sẽ liên đới trả số nợ trên còn bà D thì đã được tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu liên đới của bà Tr nên căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình thì bà Nh và bà D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tr số tiền còn nợ trên.

- Đối với việc bà Tr rút lại yêu cầu buộc ông Ph và ông H bồi thường thiệt hại số tiền 60.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr về việc buộc ông Ph, ông H, bà Nh và bà D phải liên đới trả số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.320.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông H, ông Ph, bà D và bà Nh phải liên đới chịu án phí có giá ngạch 5% của phần nghĩa vụ phải thực hiện, bà Tr phải chịu án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận (3.712.000 đồng - 2.320.000 đồng = 1.392.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 166; Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tr.

Buộc ông Đặng Văn Ph, ông Mai Quang H, bà Võ Thị Tuyết Nh và bà Trần Hồ Phương D phải liên đới trả cho bà Lê Thị Tr số tiền 62.320.000.000 (sáu mươi hai triệu, ba trăm hai mươi ngàn) đồng.

Trường hợp Đặng Văn Ph, ông Mai Quang H, bà Võ Thị Tuyết Nh và bà Trần Hồ Phương D chậm trả tiền cho bà Lê Thị Tr thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tr đối với số tiền lãi 1.392.000 (một triệu, ba trăm, chín mươi hai ngàn) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị Tr về việc buộc ông Đặng Văn Ph, ông Mai Quang H bồi thường số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Về án phí: Ông Đặng Văn Ph, ông Mai Quang H, bà Võ Thị Tuyết Nh và bà Trần Hồ Phương D phải liên đới chịu 3.116.000 (ba triệu, một trăm mười sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bà Lê Thị Tr phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí; Hoàn lại cho bà Lê Thị Tr 2.700.000 (hai triệu, bảy trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 17/01/2019 theo biên lai thu tiền số 0004297.

Báo cho bà Tr, ông Ph, ông H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nh và bà D vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu